

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 115/2022/DS-ST
Ngày 20-7-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Minh Trọn**

Ông **Nguyễn Ngọc Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Châu Sơn Ca** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2021/TLST-DS ngày 23/11/2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2022/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Việt S**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: K1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Bà **Nguyễn Thị S** (vắng mặt).

Địa chỉ: K5, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày:

Ngày 28/12/2020 ông Nguyễn Việt S có bán cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S 01 điện thoại OPPOA5 còn nợ số tiền 6.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ. Theo thỏa thuận đến ngày 28/01/2021 ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S sẽ thanh toán tiền cho ông S. Ngày 24/02/2021 ông B, bà S có trả cho ông S số tiền 2.400.000 đồng, còn nợ lại số tiền 3.600.000 đồng, ông S nhiều lần yêu cầu ông B, bà S thanh toán nợ nhưng cứ hẹn mà không trả tiền. Nay nguyên đơn ông Nguyễn Việt S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S trả số tiền 3.600.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S, nhưng ông B, bà S vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà S là phù hợp với quy định.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền mua điện thoại còn nợ số tiền 3.600.000 đồng. Xét tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] Xét về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S xác định bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S còn nợ số tiền 3.600.000 đồng đến nay chưa thanh toán, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 3.600.000 đồng. Nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án Biên nhận nợ ngày 28/12/2020 có ký tên B, S. Hội đồng xét xử xét thấy, biên nhận nợ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không có người chứng kiến và không có ai xác nhận, nhưng sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Như vậy bị đơn đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 3.600.000 đồng nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên cần buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S trả cho nguyên đơn là ông Nguyễn Việt S số tiền 3.600.000 đồng là phù hợp.

[4] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Việt S. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Việt S số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Việt S không phải chịu án phí, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0017374 ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được được hoàn lại.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Luân

